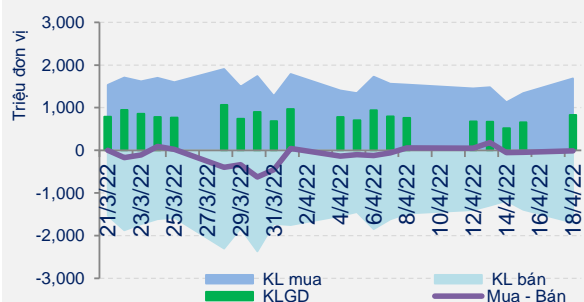
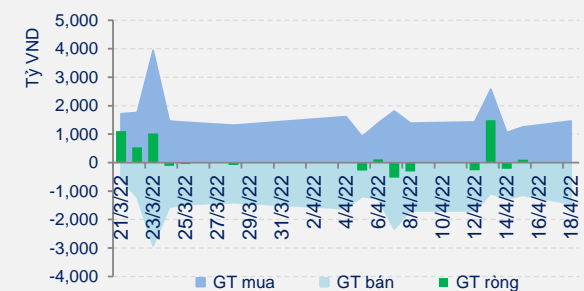


# MARKET LENS

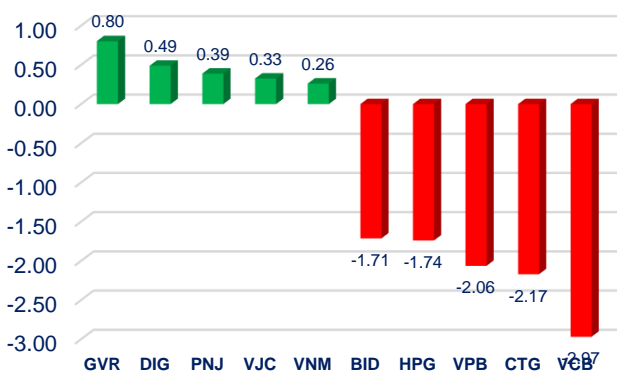
Phiên giao dịch ngày: 18/4/2022

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,432.60	403.12
% Thay đổi	↓ -1.78%	↓ -3.26%
KLGD (CP)	827,688,935	104,621,393
GTGD (tỷ đồng)	26,048.25	2,677.12
Tổng cung (CP)	1,696,662,300	132,267,800
Tổng cầu (CP)	1,686,637,500	111,312,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	35,843,800	858,400
KL mua (CP)	44,436,800	743,600
GT mua (tỷ đồng)	1,459.68	15.59
GT bán (tỷ đồng)	1,448.96	40.51
GT ròng (tỷ đồng)	10.72	(24.92)

**Tương quan cung cầu HOSE**

**Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE**


## TOP CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường ngập trong sắc đỏ trong phiên hôm nay với áp lực bán hoàn toàn áp đảo lực mua khiến chỉ số kết phiên ở gần mức thấp nhất.

Kết phiên VN-Index giảm 25,96 điểm (-1,78%) xuống 1.432,6 điểm. Độ rộng là tiêu cực với 373 mã giảm (87 mã giảm sàn), 25 mã tham chiếu, 109 mã tăng (7 mã tăng trần). HNX-Index giảm 13,59 điểm (-3,26%) xuống 403,12 điểm. Độ rộng là tiêu cực với 203 mã giảm (49 mã giảm sàn), 37 mã tham chiếu, 37 mã tăng (2 mã tăng trần).

Thanh khoản khớp lệnh được cải thiện đáng kể so với phiên trước với giá trị giao dịch đạt 27.773 tỷ đồng trên hai sàn tương ứng với khối lượng giao dịch là 907 triệu cổ phiếu. Sau 6 phiên liên tiếp thấp hơn trung bình thanh khoản phiên hôm nay đã vượt qua được mức trung bình 20 phiên liên tiếp.

Nhóm bất động sản có diễn biến tiêu cực nhất trong phiên hôm nay khi bị bán mạnh và nhiều mã đã giảm sàn như ITA (-6,9%), HQC (-6,9%), TCH (-6,9%), LDG (-6,7%), FIT (-6,7%), FLC (-6,9%)...

Nhóm xây dựng và vật liệu cũng bị ảnh hưởng theo với nhiều cổ phiếu kết phiên tại giá sàn như VCG (-6,9%), HBC (-7%), FCN (-7%), LCG (-7%), HUT (-10%), CTD (-6,9%)...

Thị trường giảm mạnh cũng tác động tiêu cực tới nhóm cổ phiếu Chứng khoán với nhiều mã giảm mạnh, thậm chí giảm sàn VCI (-7%), VIX (-6,9%), ORS (-6,9%), TVC (-9,8%), APG (-6,7%)...

Nhóm cổ phiếu trụ cột thị trường là ngân hàng trong phiên hôm nay tiếp tục xu hướng giảm trước đó và làm cho điểm số thị trường thêm tiêu cực: VPB (-4,8%), MBB (-3,5%), TCB (-1,6%), STB (-3,7%), CTG (-5,8%), ACB (-2,2%)...

Những trụ cột khác thuộc VN30 cũng bị bán mạnh như HPG (-3,5%), SSI (-6,3%), VHM (-1,8%), NVL (-2,3%), VIC (-1,5%)...

Khối ngoại mua ròng nhẹ trên HOSE với giá trị ròng 6,9 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 5,5 triệu cổ phiếu. GEX là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 81,3 tỷ đồng. Tiếp theo là DXG với 65,7 tỷ đồng và DPM với 58,1 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là HPG với 107,3 tỷ đồng. Tiếp theo là BVH với 102,6 tỷ đồng.

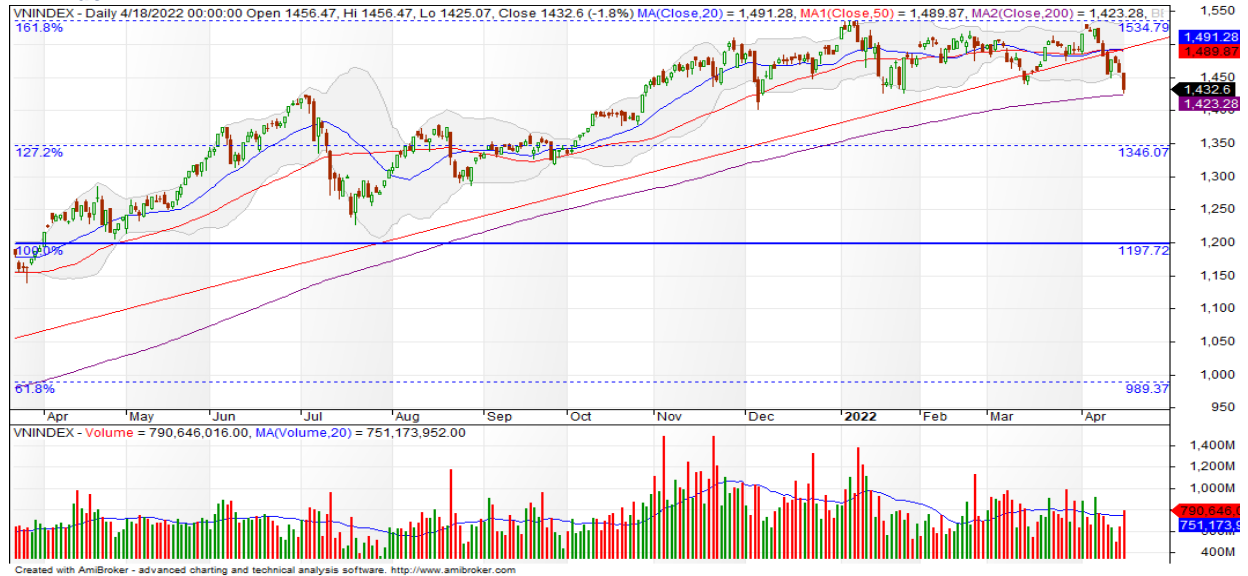
Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai VN30 đều cao hơn chỉ số cơ sở VN30 từ 4 đến 11 điểm cho thấy các nhà giao dịch đang kỳ vọng thị trường sớm hồi phục trở lại.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/4/2022

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index



VN-Index giảm mạnh ngay trong phiên đầu tuần với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là áp lực bán ra là tương đối mạnh nhưng lực cầu bắt đáy quanh ngưỡng hỗ trợ dài hạn 1.425 điểm (MA200) vẫn là khá tốt đã giúp thu hẹp phần nào đó mức giảm của chỉ số.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ kỹ thuật thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm khá mạnh hôm nay (-1,78%) thì xu hướng tăng của chỉ số VN-Index vẫn chưa được cải thiện khi mà chỉ số này tiếp tục nằm dưới hai ngưỡng kháng cự lần lượt là ngưỡng tâm lý 1.500 điểm và ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật quanh 1.490 điểm (MA20-50). Hiện chỉ số này đang kết phiên trong vùng hỗ trợ 1.425-1450 điểm (đáy tháng 1/2022) nên có thể kỳ vọng lực cầu tại đây là đủ tốt sẽ giúp thị trường sớm hồi phục.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 19/4, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại nếu vùng hỗ trợ dài hạn trong khoảng 1.420-1.425 điểm (MA200) được giữ vững.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì VN-Index có thể điều chỉnh về ngưỡng hỗ trợ tâm lý quanh 1.400 điểm (đáy tháng 12/2021) để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên hôm nay trạng thái tâm lý giao dịch có phần hoang loạn tiếp tục trở lại ngoài ra cũng có thể có thêm hiện tượng call margin khi nhiều nhóm cổ phiếu đã có xu thế giảm sâu như Bất động sản, chứng khoán, Ngân hàng... Tâm tiêu cực trong phiên hôm nay khiến cho áp lực bán gia tăng mạnh và lực cầu bắt đáy vẫn còn khá hạn chế, lực cầu bắt đáy chỉ thực sự xuất hiện khi VN-Index lùi về quanh hỗ trợ dài hạn 1.425 điểm (MA200).

Thị trường đã có 3 phiên giảm điểm liên tiếp, khá giống với giai đoạn 7/4, 8/4, 12/4 trước đó. Tuy nhiên, với việc VN-Index đã lùi về vùng hỗ trợ mạnh trong khoảng 1.425-1.450 điểm (đáy tháng 1/2022) và chỉ số này hiện cũng đang kết phiên trên vùng hỗ trợ dài hạn trong khoảng 1.420-1.425 điểm (MA200) thì có thể kỳ vọng vào một sự hồi phục trong phiên giao dịch tiếp theo 19/4 nếu như lực cầu bắt đáy là tốt.

Với trạng thái tâm lý thị trường như hiện tại, theo thống kê của chúng tôi thị trường rất có thể sẽ sớm hình thành đáy ngắn hạn và hồi phục, do đó chúng tôi cho rằng nhà đầu tư không nên tiếp tục bán ra trong trạng thái tâm lý yếu ở các phiên tới bởi thị trường có thể đảo chiều hồi phục ngắn hạn. Nhà đầu tư nếu đã mua vào trong phiên hôm nay trong vùng 1.425-1.450 điểm có thể tiếp tục nắm giữ danh mục và có thể gia tăng tỷ trọng nếu thị trường tiếp tục chiết khấu về các ngưỡng hỗ trợ thấp hơn mà gần nhất là vùng 1.400.1425 điểm (đáy tháng 12/2021).



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/4/2022

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
TDM	42.2	41-42	53-55	39	12.8	8.1%	90.0%	Mở thêm vị thế mua, khi rung lắc ở vùng hỗ trợ 41-42
GVR	36.8	35.5-37	45-49	34	35.4	24.0%	10.3%	Mua, khi rung lắc điều chỉnh vùng hỗ trợ 35-36
HCM	28.6	25-28	32-33	25	11.4	98.4%	116.2%	Theo dõi vùng tạo đáy ngắn hạn, tín hiệu mua trong vùng quá bán. Hỗ trợ trung dài hạn 26+-
DHC	83	83-84	100	77	12.1	44.2%	22.8%	Mua trên nền tích lũy chờ vượt đỉnh ngắn hạn
FPT	115.5	116-117	140	105	24.2	19.5%	22.6%	Mua theo đà tăng giá trên nền tích lũy ngắn hạn

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu	Giá dừng lỗ	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
15/4/2022	ASM	24	23.1	27-28	21	3.90%	Vận động tốt sau điểm mở mua
15/4/2022	VSC	46.2	42.5	53-55	40	8.71%	Vận động tốt sau điểm mở mua
15/4/2022	VND	32.2	33.5	41-43	30	-3.88%	Suy yếu sau mở mua, chưa chạm điểm dừng lỗ
15/4/2022	GAS	115.3	112	140-155	100	2.95%	Vận động tốt sau điểm mở mua
15/4/2022	REE	88.6	82	95-97	78	8.05%	Vận động tốt sau điểm mở mua
15/4/2022	LHG	61.2	59.5	70-72	56	2.86%	Vận động tốt sau điểm mở mua
15/4/2022	GIL	96.8	90.5	108-120	82	6.96%	Vận động tốt sau điểm mở mua
15/4/2022	TNG	42	40	48-50	37	5.00%	Vận động tốt sau điểm mở mua
16/4/2022	VCI	46.5	47	54-55	42	-1.06%	Mở mua mới giá 47
16/04/2022	PTB	129.5	127	145-150	120	1.97%	Mở mua mới giá 127
16/4/2022	PC1	45	43.6	51-53	41	3.21%	Mở mua mới giá 43.6
16/4/2022	PNJ	123.5	118.5	145-148	108	4.22%	Mở mua mới giá 118.5
16/04/2022	HAH	103	101	125 - 130	95	1.98%	Mở mua mới giá 101
16/4/2022	BIC	35.5	34.7	40-42	32.5	2.31%	Mở mua mới giá 40

## TIN VÍ MÔ

**Chống bão giá, tránh lạm phát kỳ vọng**

Lạm phát leo thang tại Mỹ, khủng hoảng năng lượng ở châu Âu và sự bùng phát mạnh của chủng Omicron tại Trung Quốc kéo theo hàng loạt lệnh phong tỏa làm gián đoạn chuỗi cung ứng, đang đẩy áp lực lạm phát toàn cầu gia tăng. Ở Việt Nam, điều này chưa được thể hiện qua các chỉ số đo lường, nhưng tâm lý thị trường lại phản ánh rất rõ nguy cơ lạm phát.

**Doanh nghiệp đồng loạt xin lùi thời điểm tăng lương tối thiểu vì khó khăn**

Sau khi Hội đồng Tiền lương quốc gia thông qua phương án tăng lương tối thiểu vùng từ ngày 1/7 tới với mức tăng 6% để báo cáo Thủ tướng xem xét ban hành, hàng loạt hiệp hội doanh nghiệp (DN), ngành hàng vừa có văn bản gửi Thủ tướng xin lùi thời điểm tăng lương tới đầu năm tới. Các hiệp hội ngành hàng như: Dệt may, điện tử, thủy sản, gỗ, nhựa, sản xuất xe máy, lương thực thực phẩm TPHCM, DN Nhật Bản... vừa có văn bản gửi Thủ tướng kiến nghị chỉ nên tăng lương tối thiểu vùng tới ngày 1/1/2023, thay vì ngày 1/7 năm nay. Việc lùi thời điểm tăng lương này nhằm tạo điều kiện cho các DN có thời gian chuẩn bị tốt nhất.

**Bật "lỗ hổng" giám sát mục đích sử dụng vốn khi phát hành trái phiếu doanh nghiệp**

Bộ Tài chính đã đánh giá, rà soát và xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 153/2020/NĐ-CP theo hướng tăng cường tính công khai, minh bạch, giảm thiểu các rủi ro phát sinh nhằm mục tiêu phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp bền vững. Theo Bộ Tài chính, sau thời gian triển khai các quy định mới về phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các Nghị định hướng dẫn, trước tình hình thị trường vẫn phát sinh những rủi ro mới, quy định của pháp luật cần tiếp tục điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn, khắc phục, loại bỏ những rủi ro mới phát sinh

**Một số loại nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đột ngột tăng giá trị xuất khẩu nhờ Mỹ và Trung Quốc**

Dự án do Tập đoàn PNE (Đức) đang xúc tiến đầu tư, có quy mô công suất 2.000 MW và tổng mức đầu tư khoảng 6 tỷ USD. Bộ Công Thương ủng hộ triển khai dự án và sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện dự án đúng tiến độ đề ra. Trong quý 1/2022, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản ước trên 12,8 tỷ USD, tăng 15,3% so với quý I/2021. Trong đó, xuất khẩu nhóm nông sản chính đạt gần 5,5 tỷ USD, tăng 12,8%; lâm sản chính đạt 4,3 tỷ USD, tăng 4,4%; thủy sản ước đạt 2,4 tỷ USD, tăng 38,7%; chăn nuôi ước đạt 75,6 triệu USD, giảm 22,4%.

**WB: Lạm phát của Việt Nam tăng vì giá nhiên liệu**

Theo WB, GDP quý I tăng nhờ công nghiệp chế biến, chế tạo đạt kết quả tốt, lĩnh vực dịch vụ phục hồi. Giá năng lượng tăng cao, nhu cầu trong nước phục hồi khiến lạm phát bật tăng.

Theo báo cáo mới của Ngân hàng Thế giới (WB), GDP quý I/2022 của Việt Nam tăng trưởng 5% (so cùng kỳ năm trước), tương đương tốc độ tăng trưởng trong quý IV/2021, nhưng vẫn thấp hơn hai điểm phần trăm so với tốc độ trước đại dịch.



## TIN DOANH NGHIỆP

**Doanh nghiệp cá tra đầu tiên báo lãi ròng quý 1 gấp gần 6 lần**

Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang ghi nhận lãi ròng tăng đột biến lên gần 63 tỷ đồng, gấp 5,7 lần cùng kỳ. Năm 2022, doanh nghiệp đặt kế hoạch doanh thu thuần là 1.450 tỷ đồng (tăng 20%) và lãi trước thuế là 200 tỷ đồng (gấp 4 lần năm trước). So với kế hoạch đề ra, ACL đã thực hiện được 22% mục tiêu doanh thu và 35% mục tiêu lãi trước thuế 2022.

**Bamboo Capital sẽ tăng vốn lên gấp đôi để mở rộng hoạt động đầu tư tài chính**

Công ty lên kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm nay đạt 2.200 tỷ đồng, gấp 2,2 lần năm trước. Bamboo Capital cũng dự kiến chào bán ra công chúng 263 triệu cổ phiếu tỷ lệ 2:1 và đấu giá thêm 250 triệu cổ phiếu.

**Chứng khoán VNDirect đặt mục tiêu lợi nhuận gần 2.900 tỷ đồng năm 2022**

VNDirect đặt mục tiêu lợi nhuận sau thuế tăng 32%, đạt 2.884 tỷ đồng. Doanh thu từ dịch vụ chứng khoán và đầu tư nguồn vốn dự kiến đạt lần lượt là 1.963 và 2.463 tỷ đồng.

**Hợp ĐHCĐ HAGL Agrico: Khó khăn sẽ còn dài, dự kiến lỗ lũy kế gần 7.800 tỷ tới 2023**

Theo ông Đoàn Nguyên Đức, mối quan hệ HAGL - HAGL Agrico sẽ tách bạch hoàn toàn. Thaco dự tính tiếp tục thua lỗ trước thuế 2.713 tỷ đồng trong năm nay. HAGL Agrico không chia cổ tức năm 2022 do còn lỗ lũy kế.

**PV Power báo lãi quý I tăng 11%**

Tổng công ty ghi nhận tổng doanh thu 7.233 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 751 tỷ đồng trong quý I. Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 – công ty con do PV Power sở hữu trên 59% vốn là đơn vị thành viên mang về doanh thu lớn nhất đạt 1.988,6 tỷ đồng.

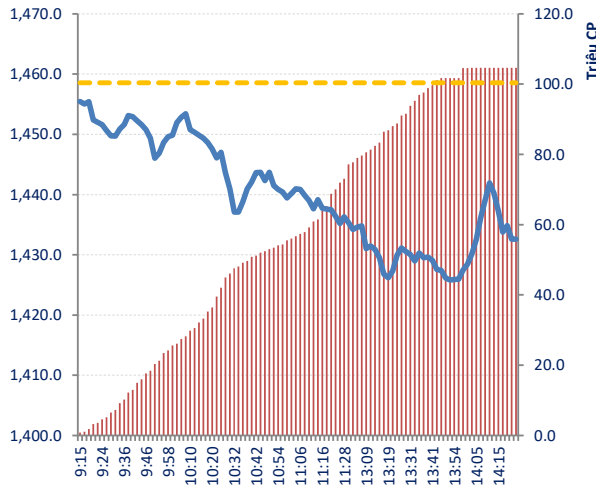
**Hợp ĐHCĐ PNJ: Doanh số quý I tăng trên 40%, mở 35-40 cửa hàng trong năm nay**

Doanh nghiệp đặt mục tiêu năm 2022 với doanh thu thuần 25.835 tỷ đồng, tăng 32%; lợi nhuận sau thuế đạt 1.320 tỷ đồng, tăng 28,2% so với kết quả thực hiện năm ngoái. Công ty sẽ chia cổ tức 2021 tỷ lệ 20% và phát hành 82 triệu cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 3:1 từ thặng dư vốn và lợi nhuận để lại.

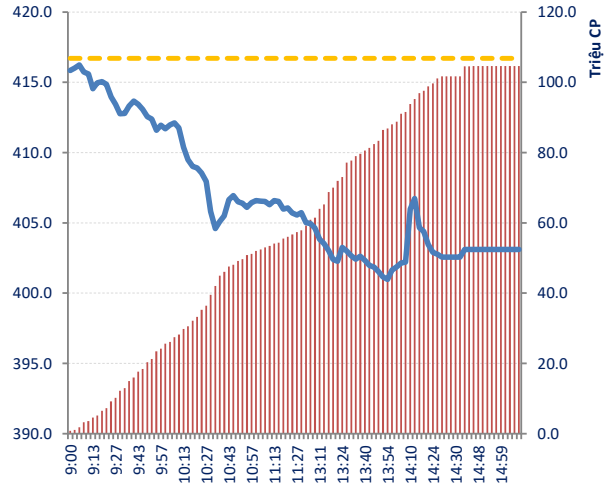


### THỐNG KÊ GIAO DỊCH

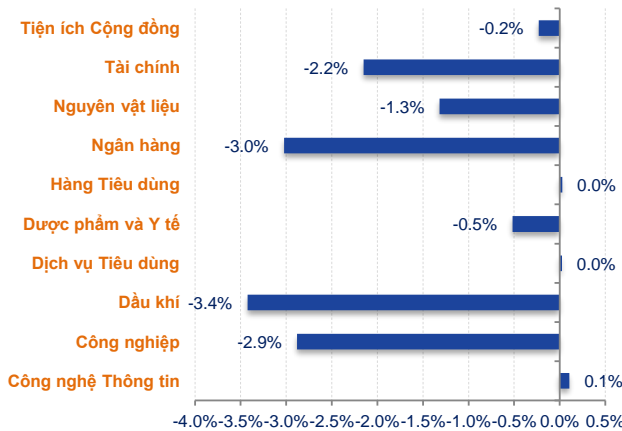
#### KLGD và VN-Index trong phiên



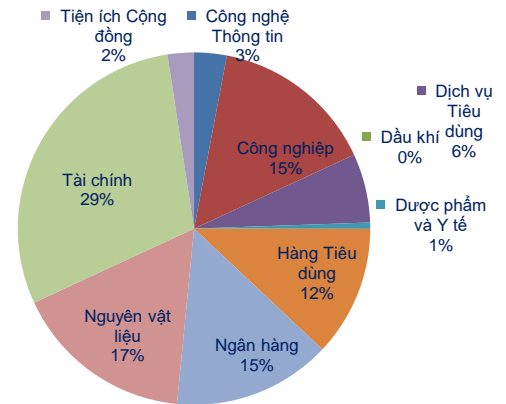
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



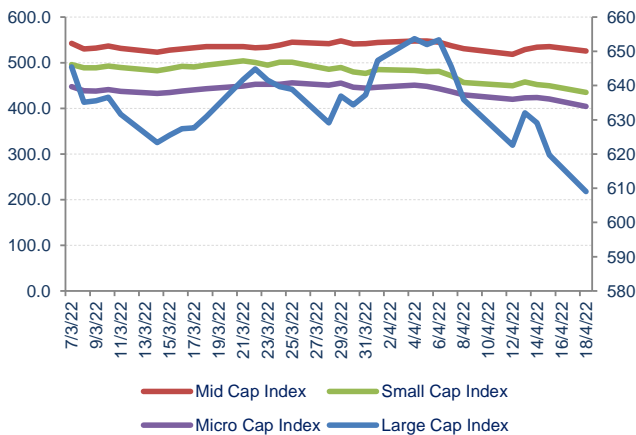
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



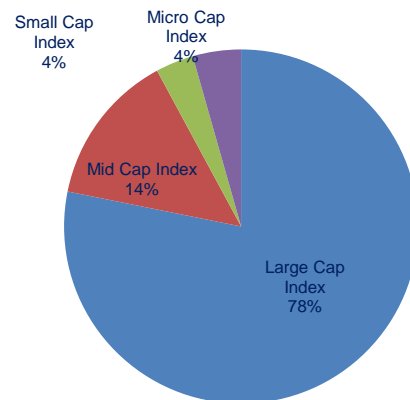
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	GEX	2,529,200	HPG	2,466,000	1	IVS	145,500	IDC	175,100
2	FUESSV50	2,200,000	CTG	2,079,700	2	TVD	133,200	VCS	123,100
3	DXG	1,790,700	BVH	1,524,200	3	CTC	29,600	SHS	96,200
4	FUEVFNVD	1,702,700	SSI	843,100	4	TA9	28,200	TNG	56,200
5	HNG	1,043,200	MIG	752,900	5	NDN	27,500	PVS	36,000

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VPB	38.50	36.65	↓ -4.81%	29,636,000	PVS	30.80	30.00	↓ -2.60%	7,620,081
HQC	6.85	6.38	↓ -6.86%	28,320,200	IDC	61.50	61.50	→ 0.00%	5,955,723
HPG	44.20	42.65	↓ -3.51%	23,436,000	KLF	4.90	4.50	↓ -8.16%	5,870,295
GEX	33.95	31.80	↓ -6.33%	22,460,700	HUT	31.00	27.90	↓ -10.00%	5,453,445
VND	33.70	32.20	↓ -4.45%	18,699,800	NVB	38.60	38.30	↓ -0.78%	5,350,379

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

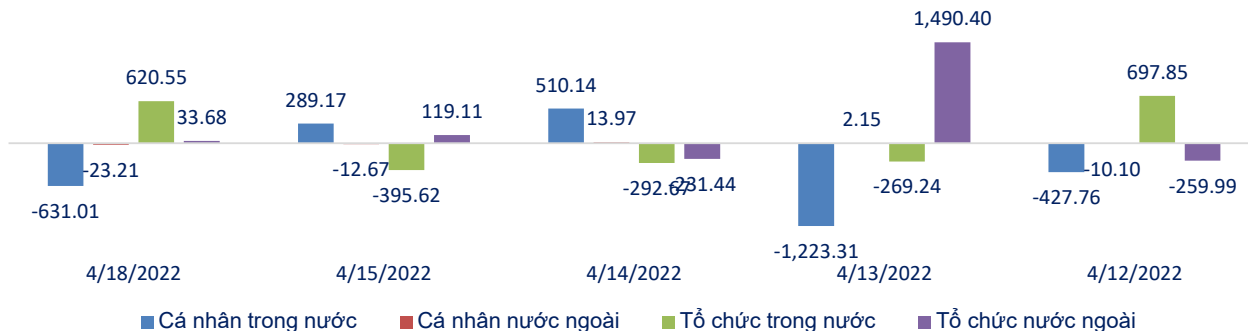
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PDN	91.50	97.90	6.40	↑ 6.99%	BSC	24.40	26.80	2.40	↑ 9.84%
ANV	43.85	46.90	3.05	↑ 6.96%	TPH	14.30	15.70	1.40	↑ 9.79%
DGW	145.40	155.50	10.10	↑ 6.95%	CAN	50.20	55.00	4.80	↑ 9.56%
ACL	26.00	27.80	1.80	↑ 6.92%	PRC	16.10	17.60	1.50	↑ 9.32%
ELC	27.50	29.40	1.90	↑ 6.91%	ADC	21.70	23.60	1.90	↑ 8.76%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VCI	50.00	46.50	-3.50	↓ -7.00%	HHG	6.00	5.40	-0.60	↓ -10.00%
KSB	45.00	41.85	-3.15	↓ -7.00%	PPE	14.00	12.60	-1.40	↓ -10.00%
HU1	15.00	13.95	-1.05	↓ -7.00%	HUT	31.00	27.90	-3.10	↓ -10.00%
HID	9.72	9.04	-0.68	↓ -7.00%	POT	38.00	34.20	-3.80	↓ -10.00%
HBC	25.00	23.25	-1.75	↓ -7.00%	KVC	6.00	5.40	-0.60	↓ -10.00%

(\*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	120.96	15.8%	2,279	30.4	4.5
BVH	104.94	8.9%	2,555	26.1	2.2
HPG	74.96	46.0%	7,708	5.7	2.2
VHM	50.05	35.2%	8,991	7.9	2.4
MIG	43.31	13.6%	1,565	18.9	2.5

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	-94.55	7.2%	1,483	22.9	1.4
FPT	-90.16	21.7%	4,787	24.0	4.9
DXG	-85.27	10.3%	1,938	19.4	1.7
VIC	-79.18	-1.7%	(650)	-	1.9
ACB	-69.66	23.9%	3,554	9.4	2.0

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	3.02	0.1%	46	652.4	0.9
VCB	2.40	21.6%	4,632	17.3	3.5
VCI	1.81	18.0%	2,082	24.0	2.6
HQC	1.57	0.1%	9	785.7	0.8
FUEVFVND	1.33	N/A	N/A	N/A	N/A

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PDR	-13.38	28.0%	3,826	22.6	5.4
HPG	-4.72	46.0%	7,708	5.7	2.2
PC1	-3.63	12.6%	3,019	14.6	1.6
STB	-2.17	10.8%	1,855	16.2	1.7
BID	-2.08	12.7%	2,084	18.9	2.3

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	90.40	21.7%	4,787	24.0	4.9
VIC	72.60	-1.7%	(650)	-	1.9
ACB	69.66	23.9%	3,554	9.4	2.0
TCB	64.37	21.5%	5,148	8.9	1.8
VNM	63.77	30.3%	5,042	15.2	4.5

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-152.70	15.8%	2,279	30.4	4.5
FUESSFVND	-49.30	N/A	N/A	N/A	N/A
FUEVFVND	-38.77	N/A	N/A	N/A	N/A
VHC	-36.48	19.9%	6,052	17.3	3.3
CTR	-35.51	31.6%	4,038	29.2	10.0

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	81.26	7.2%	1,483	22.9	1.4
DXG	65.93	10.3%	1,938	19.4	1.7
DPM	58.80	32.9%	7,965	8.9	2.6
FUEVFVND	50.39	N/A	N/A	N/A	N/A
FUESSFVND	48.91	N/A	N/A	N/A	N/A

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-102.75	46.0%	7,708	5.7	2.2
BVH	-101.89	8.9%	2,555	26.1	2.2
CTG	-60.61	15.7%	2,932	10.6	1.6
MSN	-40.60	25.4%	6,055	20.6	4.2
VHM	-37.42	35.2%	8,991	7.9	2.4





## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	29,636,000	16.9%	2,642	14.6	2.0
HQC	28,320,200	3250.0%	9	785.7	0.8
HPG	23,436,000	46.0%	7,708	5.7	2.2
GEX	22,460,700	7.2%	1,483	22.9	1.4
VND	18,699,800	19.6%	892	37.8	1.7

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	7,620,081	4.7%	1,258	24.5	1.2
IDC	5,955,723	9.6%	1,514	40.6	3.9
KLF	5,870,295	0.4%	40	121.3	0.5
HUT	5,453,445	1.8%	227	136.8	2.8
NVB	5,350,379	0.0%	3	12,227.1	3.6

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PDN	↑ 7.0%	23.4%	8,681	10.5	2.4
ANV	↑ 7.0%	5.5%	1,013	43.3	2.3
DGW	↑ 6.9%	44.5%	7,436	19.6	7.3
ACL	↑ 6.9%	6.0%	839	31.0	1.8
ELC	↑ 6.9%	5.6%	949	29.0	1.6

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BSC	↑ 9.8%	0.3%	36	671.3	2.0
TPH	↑ 9.8%	6.2%	754	19.0	1.2
CAN	↑ 9.6%	21.2%	5,884	8.5	1.7
PRC	↑ 9.3%	4.7%	1,091	14.8	0.7
ADC	↑ 8.8%	15.9%	2,612	8.3	1.1

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	2,529,200	7.2%	1,483	22.9	1.4
FUESSV50	2,200,000	N/A	N/A	N/A	N/A
DXG	1,790,700	10.3%	1,938	19.4	1.7
FUEVFVND	1,702,700	N/A	N/A	N/A	N/A
HNG	1,043,200	-15.3%	(1,010)	-	1.3

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IVS	145,500	5.3%	527	24.1	1.2
TVD	133,200	19.0%	2,261	7.5	1.4
CTC	29,600	10.9%	876	9.7	1.0
TA9	28,200	12.9%	1,579	11.0	1.4
NDN	27,500	23.2%	3,289	4.5	1.0

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	379,548	21.6%	4,632	17.3	3.5
VHM	309,596	35.2%	8,991	7.9	2.4
VIC	307,785	-1.7%	(650)	-	1.9
GAS	220,296	17.1%	4,531	25.4	4.2
BID	198,800	12.7%	2,084	18.9	2.3

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	54,775	21.8%	2,805	55.8	8.7
KSF	32,460	9.0%	1,373	78.8	5.4
NVB	21,493	0.0%	3	12,227.1	3.6
IDC	18,450	9.6%	1,514	40.6	3.9
VCS	17,712	40.6%	11,096	10.0	3.6

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KHP	5.92	7.2%	836	17.3	1.2
DAG	5.71	0.9%	100	102.5	0.9
FLC	5.60	0.7%	119	69.3	0.6
PTC	5.53	23.3%	3,503	11.5	2.1
ROS	5.06	1.6%	168	29.9	0.5

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.35	7.0%	343	25.1	1.7
CEO	2.98	2.7%	362	143.7	3.8
ART	2.65	3.0%	350	19.2	0.6
KLF	2.34	0.4%	40	121.3	0.5
VE3	2.30	7.0%	968	12.1	0.9



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---